

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NG  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 – 5 – 2025  
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Tính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Văn Tươi

Ông Nguyễn Minh Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ân Tình - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Kim L, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp Cái Hoăng, xã Đất Mũi, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Lê Quốc Tr, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp Cái Hoăng, xã Đất Mũi, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2024 nguyên đơn bà Trần Kim L trình bày: Bà và ông Lê Quốc Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An, huyện Ng, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp, sống với nhau không cảm thấy hạnh phúc. Gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quốc Tr.

Về con chung: Bà và ông Tr có 01 người con chung tên Lê Ngọc Trinh, sinh ngày 13/03/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông Lê Quốc Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Ngọc Trinh được 18 tuổi.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Quốc Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Tr vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Trần Kim L khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Quốc Tr, địa chỉ: ấp Cái Hoảng, xã Đất Mũi, huyện Ng, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Lê Quốc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông Tr vắng mặt không có lý do. Đối với bà L có đơn yêu cầu xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông Tr tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Kim L và ông Lê Quốc Tr tự nguyện chung sống vào năm 2017, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An, huyện Ng, tỉnh Cà Mau, do đó hôn nhân giữa bà L và ông Tr là hợp pháp. Bà L trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tr. Ông Tr đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc bà L xin ly hôn, tuy nhiên ông Tr vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông Tr là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà L và ông Tr vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Xét thấy, hôn nhân của bà L và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm Trg, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Kim L đối với ông Lê Quốc Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L và ông Tr có 01 người con chung tên Lê Ngọc Trinh, sinh ngày 13/3/2017. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Lê Quốc Tr phải cấp dưỡng cho cháu Ngọc Trinh mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cháu Trinh thì bà L có đủ điều kiện. Xét thấy, cháu Ngọc Trinh đã sống chung với bà L từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần. Đồng thời phù hợp với đơn ngày 22/4/2025 của cháu Ngọc Trinh có nguyện vọng được sống với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho bà

L nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với ông Tr là cha của cháu Ngọc Trinh vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

[4] Nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà L yêu cầu ông Tr phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 83 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc bà L yêu cầu ông Tr phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng: Bà L yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét nhu cầu thiết yếu của cháu, thu nhập, khả năng thực tế của ông Tr, mức lương tối thiểu vùng, nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con của cha, mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của bà L là phù hợp nên chấp nhận.

Về phương thức cấp dưỡng: Do các bên không thỏa thuận được về việc cấp dưỡng, do vậy cần buộc ông Tr phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Về thời gian cấp dưỡng: Bà L yêu cầu thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Trinh đủ 18 tuổi và tự lập được. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Bị đơn ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì bà L phải nộp 300.000 đồng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Kim L được ly hôn với ông Lê Quốc Tr.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc Lê Ngọc Trinh, sinh ngày 13/3/2017.

Ông Lê Quốc Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc ông Lê Quốc Tr phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Lê Ngọc Trinh, sinh ngày 13/3/2017 mỗi tháng 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu Lê Ngọc Trinh tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà L có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0015272 ngày 23/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng được chuyển thu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Quốc Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng.

Án xử sơ thẩm công khai, bà L và ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ng;
- THADS huyện Ng;
- Ủy ban nhân dân xã Viên An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Minh Tính**